TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2026/DS-ST
Ngày 26 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Phạm Việt Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 441/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: : số 153 đường NGT, phường TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Anh Dương Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: ấp 6, xã ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: ấp 6, xã ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Ngọc U trình bày: Ngày 02/6/2023, chị cho vợ chồng anh T, chị H mượn số tiền 1.200.000.000đ, có làm biên nhận, thời hạn mượn 90 ngày (từ ngày 02/6/2023 đến ngày 02/9/2023). Tuy nhiên, khi đến hạn vợ chồng anh T

không trả số tiền mượn cho chị. Vợ chồng anh T hẹn ngày 10/9/2023 trả cho chị số tiền 500.000.000đ, nhưng vẫn không trả. Nay chị yêu cầu anh Dương Văn T và chị Trần Thị H trả số tiền vốn 1.200.000.000đ, lãi chậm trả (1.200.000.000đ x 10%/năm) x 1.050 ngày = 345.205.476đ, tổng cộng 1.545.205.476đ.

Đối với anh Dương Văn T, chị Trần Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh, chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Ngọc U khởi kiện anh Dương Văn T là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Chị U có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện anh T, chị H có mượn của chị chị U số tiền 1.200.000.000đ, thời hạn mượn là 90 ngày. Tuy nhiên, hiện nay đã hết thời hạn mượn tiền đã lâu, nhưng anh T, chị H chưa trả tiền cho chị U. Nay chị U yêu cầu anh T và chị H trả số tiền 1.200.000.000đ. Xét thấy: Việc các đương sự giao dịch mượn tiền với nhau bằng hình thức giao, nhận trực tiếp, có thiết lập biên nhận, anh T và chị H cùng ký tên. Đồng thời, hiện nay thời hạn trả tiền đã hết, nhưng anh T, chị H không trả tiền. Nay chị U khởi kiện yêu cầu anh T và chị H trả tiền là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu về tiền lãi suất chậm trả, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi các bên giao dịch mượn tiền có xác lập thời hạn là 90 ngày. Tuy nhiên, hiện nay thời hạn đã hết, nhưng anh T, chị H không trả tiền cho chị U là vi phạm thỏa thuận, nên anh T, chị H phải chịu tiền lãi suất chậm trả kể từ ngày (03/9/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm (26/5/2026) với mức lãi suất 10%/năm. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị U là có căn cứ nên được chấp nhận.

Số tiền lãi suất chậm trả được tính như sau: (1.200.000.000đ x 10%/năm) x 32 tháng 23 ngày = 327.666.000đ.

[5] Xét về án phí dân sự: Anh T, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc U.

1. Buộc anh Dương Văn T và chị Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Ngọc Út số tiền vốn 1.527.666.000 đồng (một tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày chị Nguyễn Ngọc U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Dương Văn T, chị Trần Thị H chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh T, chị H còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Chị Nguyễn Ngọc U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị U 29.178.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004865 ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

2.2. Anh Dương Văn T và chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.829.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh